

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦ THỪA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/DS-ST  
Ngày: 28-6-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hằng.
2. Ông Phạm Quốc Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thanh Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Triệu Ng, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp VK, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An.
2. *Bị đơn:* Bà Võ Nguyễn Phụng G, sinh năm 1995 và ông Lương Tấn L, sinh năm 1996; Cùng địa chỉ: Số nhà 2/10 Ô2 khu phố A, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Tiến Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp VK, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền cho ông Đ là bà Lê Thị Triệu Ng, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp VK, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An, văn bản ủy quyền ngày 07/6/2024.*

*(Bà Ng, bà G có mặt, ông L vắng mặt có đơn xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Triệu Ng trình bày:*

Do quen biết với nhau nên bà Võ Nguyễn Phụng G có vay tiền của bà Ng như sau:

Ngày 18/10/2020, bà G vay số tiền 30.000.000 đồng, khi cho vay thì hẹn trong vòng 01 tháng trả lại tiền gốc, tiền lãi hai bên thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng, bà G

mượn tiền để làm ăn kinh doanh, bà G có trả tiền lãi cho bà Ng nhưng hết thời hạn 01 tháng thì không có khả năng trả lại tiền gốc nên thỏa thuận trả lãi hàng tháng khi nào bà Ng yêu cầu trả tiền gốc thì thông báo cho bà G biết.

Ngày 14/8/2022, bà G vay số tiền 30.000.000 đồng, khi cho vay thì hẹn trong vòng 01 tháng trả lại tiền gốc, tiền lãi hai bên thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng, bà G mượn tiền để làm ăn kinh doanh, bà G có trả tiền lãi cho bà Ng nhưng hết thời hạn 01 tháng thì không có khả năng trả lại tiền gốc nên thỏa thuận trả lãi hàng tháng khi nào bà Ng yêu cầu trả tiền gốc thì thông báo cho bà G biết.

Ngày 07/11/2022, bà G vay số tiền 40.000.000 đồng, khi cho vay thì hẹn trong vòng 01 tháng trả lại tiền gốc, tiền lãi hai bên thỏa thuận là 2.000.000 đồng/tháng, bà G mượn tiền để làm ăn kinh doanh, bà G có trả tiền lãi cho bà Ng nhưng hết thời hạn 01 tháng thì không có khả năng trả lại tiền gốc nên thỏa thuận trả lãi hàng tháng khi nào bà Ng yêu cầu trả tiền gốc thì thông báo cho bà G biết.

Ngày 12/12/2022, bà G vay số tiền 70.000.000 đồng, khi cho vay thì hẹn trong vòng 01 tháng trả lại tiền gốc, tiền lãi hai bên thỏa thuận là 3.500.000 đồng/tháng, bà G mượn tiền để làm ăn kinh doanh, bà G không trả lãi tháng nào đối với khoản vay này và trước đó ngày 08/12/2022 thì giữa hai bên có trao đổi để chốt lại số nợ bà G nợ bà Ng là bao nhiêu nên bà Ng có viết giấy cam kết trong vòng 01 tháng sẽ hoàn trả số nợ 100.000.000 đồng cho bà Ng.

Tổng số tiền mà bà G vay bà Ng là 170.000.000 đồng, đến hạn trả tiền bà Ng đã nhiều lần yêu cầu bà G hoàn trả nhưng đến nay bà G chưa trả.

Do đó nay bà Ng khởi kiện yêu cầu bà G cùng chồng là ông Lương Tấn L hoàn trả số tiền gốc là 170.000.000 đồng và tại phiên tòa bà Ng yêu cầu tính lãi từ ngày 08/12/2022 đến ngày xét xử vụ án (ngày 28/6/2024) là 18 tháng 20 ngày x 01% = 31.730.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G và ông Lương Tấn L hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng, ông Trần Tiến Đ là 201.730.000 đồng.

Lý do yêu cầu ông L liên đới là do các khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà G, ông L và mục đích bà G mượn tiền là để làm ăn kinh doanh.

Bà Ng không đồng ý cho bà G, ông L trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết toàn bộ số nợ của bà Ng, ông Đ.

Tiền mà bà Ng cho bà G vay là tài sản chung của bà với chồng là ông Trần Tiến Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp VK, xã BA, huyện TT, tỉnh Long An. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Nguyễn Phụng G trình bày:*

Do quen biết ngoài xã hội nên bà có biết bà Ng và có phát sinh quan hệ vay mượn tiền của bà Ng. Bà G bắt đầu vay tiền của bà Ng từ tháng 10/2022 cho đến tháng 12/2022 thì ngưng việc vay mượn tiền. Theo như bà G nhớ thì số tiền vay khoảng 170.000.000 đồng và vay các ngày như sau:

Ngày 18/10/2020, bà G vay số tiền 30.000.000 đồng, khi cho vay thì hẹn trong vòng 01 tháng trả lại tiền gốc, tiền lãi hai bên thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng, bà G mượn tiền để làm ăn kinh doanh, bà G có trả tiền lãi cho bà Ng nhưng hết thời hạn 01 tháng thì không có khả năng trả lại tiền gốc nên thỏa thuận trả lãi hàng tháng khi nào bà Ng yêu cầu trả tiền gốc thì thông báo cho bà G biết.

Ngày 14/8/2022, bà G vay số tiền 30.000.000 đồng, khi cho vay thì hẹn trong vòng 01 tháng trả lại tiền gốc, tiền lãi hai bên thỏa thuận là 1.500.000 đồng/tháng, bà G mượn tiền để làm ăn kinh doanh, bà G có trả tiền lãi cho bà Ng nhưng hết thời hạn 01 tháng thì không có khả năng trả lại tiền gốc nên thỏa thuận trả lãi hàng tháng khi nào bà Ng yêu cầu trả tiền gốc thì thông báo cho bà G biết.

Ngày 07/11/2022, bà G vay số tiền 40.000.000 đồng, khi cho vay thì hẹn trong vòng 01 tháng trả lại tiền gốc, tiền lãi hai bên thỏa thuận là 2.000.000 đồng/tháng, bà G mượn tiền để làm ăn kinh doanh, bà G có trả tiền lãi cho bà Ng nhưng hết thời hạn 01 tháng thì không có khả năng trả lại tiền gốc nên thỏa thuận trả lãi hàng tháng khi nào bà Ng yêu cầu trả tiền gốc thì thông báo cho bà G biết.

Ngày 12/12/2022, bà G vay số tiền 70.000.000 đồng, khi cho vay thì hẹn trong vòng 01 tháng trả lại tiền gốc, tiền lãi hai bên thỏa thuận là 3.500.000 đồng/tháng, bà G mượn tiền để làm ăn kinh doanh, bà G không trả lãi tháng nào đối với khoản vay này và trước đó ngày 08/12/2022 thì giữa hai bên có trao đổi để chốt lại số nợ bà G nợ bà Ng là bao nhiêu nên bà Ng có viết giấy cam kết trong vòng 01 tháng sẽ hoàn trả số nợ 100.000.000 đồng cho bà Ng.

Quá trình vay tiền bà Ng thì bà G có chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bà Ng (số tài khoản là 6608205039186 – Ngân hàng Agirbank) và ông Trần Tiến Đ (số tài khoản 6608205041330 – Ngân hàng Agirbank) là chồng bà Ng từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022 để trả tiền lãi và tiền gốc với tổng số tiền là 120.800.000 đồng (bà G có sao kê việc chuyển tiền và cung cấp cho Tòa án).

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng là yêu cầu bà G cùng chồng là ông Lương Tấn L hoàn trả số tiền gốc vay 170.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/12/2022 đến ngày xét xử vụ án (ngày 28/6/2024) là 18 tháng  $20 \text{ ngày} \times 01\% = 31.730.000$  đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G và ông Lương Tấn L hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng, ông Trần Tiến Đ là 201.730.000 đồng thì bà G đồng ý nhưng do hiện đang gặp khó khăn về kinh tế và đang nuôi con nhỏ nên bà G xin bà Ng hoàn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết toàn bộ số của bà Ng, ông Đ. Ngoài ra không ý kiến gì thêm.

*Bị đơn Lương Tấn L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có lời trình bày.*

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Tiến Đ trình bày tại bản tự khai ngày 11/6/2024 như sau:*

Ông là chồng của bà Lê Thị Triệu Ng, hiện quan hệ hôn nhân vẫn còn tồn tại. Số tiền 170.000.000 đồng mà bà Ng cho vợ chồng bà G, ông L vay là tiền chung của vợ chồng ông.

Nay ông thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Ng khởi kiện yêu cầu bà G cùng chồng là ông Lương Tấn L hoàn trả số tiền gốc là 170.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/12/2022 đến tháng 12/2023 là 12 tháng  $\times 01\% = 20.400.000$  đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G và ông Lương Tấn L hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng là 190.400.000 đồng, ngoài ra yêu cầu tính lãi đến khi xét xử vụ án.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Bà Lê Thị Triệu Ng khởi kiện yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G, ông Lương Tấn L có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay là 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/12/2022 đến ngày xét xử vụ án (ngày 28/6/2024) là 18 tháng 20 ngày x 01% = 31.730.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G và ông Lương Tấn L hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng, ông Trần Tiến Đ là 201.730.000 đồng. Bà Võ Nguyễn Phụng G, ông Lương Tấn L có nơi thường trú tại: Số nhà 2/10 Ô2, khu phố A, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng hoà giải không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa vắng mặt ông Lương Tấn L nhưng ông L có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

Bà Lê Thị Triệu Ng khởi kiện yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G, ông Lương Tấn L có trách nhiệm hoàn trả một lần số tiền vay 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/12/2022 đến ngày xét xử vụ án (ngày 28/6/2024) là 18 tháng 20 ngày x 01% = 31.730.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G và ông Lương Tấn L hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng, ông Trần Tiến Đ là 201.730.000 đồng.

Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ do bà Ng cung cấp thể hiện: Bà G có vay tiền của bà Ng vào các ngày như sau: Ngày 18/10/2020 vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 14/8/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 07/11/2022 vay số tiền 40.000.000 đồng và ngày 12/12/2022 vay số tiền 70.000.000 đồng, các khoản vay này các bên thỏa thuận trong vòng 01 tháng bà G phải trả lại tiền gốc, tiền lãi hai bên thỏa thuận như sau đối với số tiền vay 30.000.000 đồng thì trả lãi là 1.500.000 đồng/tháng, số tiền vay 40.000.000 đồng thì trả lãi là 2.000.000 đồng/tháng và số tiền vay 70.000.000 đồng thì trả lãi là 3.500.000 đồng/tháng, mục đích bà G vay các khoản tiền này để làm ăn kinh doanh, bà G có trả lãi cho bà Ng các khoản vay ngày 18/10/2020, ngày 14/8/2022 và ngày 07/11/2022, riêng khoản vay ngày 12/12/2022 thì không trả lãi được tháng nào, các khoản vay này khi đến hạn trả thì bà G không có khả năng trả lại tiền gốc nên thỏa thuận trả lãi hàng tháng khi nào bà Ng yêu cầu trả tiền gốc thì thông báo cho bà G biết và theo các bên trình bày hai bên có làm giấy cam kết ngày 08/11/2022 chốt lại số nợ bà G đã vay bà Ng là 100.000.000 đồng, bà G hẹn trong vòng 01 tháng đến ngày 08/12/2022 bà G sẽ trả lại số tiền trên.

Tổng số tiền bà G đã vay của bà Ng là 170.000.000 đồng, khi tới hạn trả nợ bà Ng có yêu cầu bà G hoàn trả nhưng đến nay bà G chưa trả.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Triệu Ng yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G có trách nhiệm hoàn trả một lần số tiền vay 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/12/2022 đến ngày xét xử vụ án (ngày 28/6/2024) là 18 tháng 20 ngày x 01% = 31.730.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G và ông Lương Tấn L hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng, ông Trần Tiến Đ là 201.730.000 đồng. Đồng thời bà Lê Thị Triệu Ng trình bày số tiền 170.000.000 đồng cho bà G vay là tiền chung của vợ chồng bà Ng và ông Trần Tiến Đ, ông Đ trình bày thống nhất ý kiến của bà Ng và yêu cầu bà G, ông L trả tổng số tiền 201.730.000 đồng cho vợ chồng ông là phù hợp quy định và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Bà Võ Nguyễn Phụng G thừa nhận còn nợ bà Lê Thị Triệu Ng số tiền gốc vay 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng chưa trả được như lời trình bày của bà Lê Thị Triệu Ng. Nay đối với yêu cầu của bà Ng yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G có trách nhiệm hoàn trả một lần số tiền vay 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/12/2022 đến ngày xét xử vụ án (ngày 28/6/2024) là 18 tháng 20 ngày x 01% = 31.730.000 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu bà Võ Nguyễn Phụng G và ông Lương Tấn L hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng, ông Trần Tiến Đ là 201.730.000 đồng thì bà G đồng ý, nhưng do hiện đang gặp khó khăn về kinh tế và đang nuôi con nhỏ nên bà G xin bà Ng hoàn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết toàn bộ số của bà Ng, ông Đ. Tuy nhiên bà Lê Thị Triệu Ng không đồng ý và theo quy định của pháp luật không có quy định cho trả dần.

Xét thấy các khoản vay bà G vay của bà Lê Thị Triệu Ng, ông Trần Tấn Đạt phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà G, ông L và mục đích bà G mượn tiền là để làm ăn kinh doanh nên buộc ông L phải liên đới với bà G hoàn trả toàn bộ số tiền nợ cho bà Ng, ông Đ theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các giấy mượn tiền ngày 18/10/2020, ngày 14/8/2022, ngày 07/11/2022, giấy cam kết (*hẹn trong vòng 01 tháng đến ngày 08/12/2022 tôi sẽ hoàn trả lại số tiền trên*), giấy vay tiền ngày 12/12/2022 và lời thừa nhận của các bên buộc bà Võ Nguyễn Phụng G có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng số tiền vay 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng và 31.730.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Nguyễn Phụng G, ông Lương Tấn L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Bà Lê Thị Triệu Ng không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Triệu Ng đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Triệu Ng, ông Trần Tiến Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Võ Nguyễn Phụng G, ông Lương Tấn L.

Buộc bà Võ Nguyễn Phụng G, ông Lương Tấn L phải liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng, ông Trần Tiến Đ tổng số tiền là 201.730.000 (Hai trăm lẻ một triệu, bảy trăm ba mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2024) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Nguyễn Phụng G, ông Lương Tấn L phải liên đới nộp 10.086.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng 4.760.000 đồng tiền tạm ứng phí theo biên lai thu số 0008206 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Lê Thị Triệu Ng, bà Võ Nguyễn Phụng G có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/6/2024). Ông Lương Tấn L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện Thủ Thừa,
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa,
- Các đương sự,
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Quân**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi      giờ      phút, ngày 12 tháng 9 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Phạm Quốc Tuấn

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Triệu Ng, sinh năm: 1961

Địa chỉ: số 132 Liên khu 5-6 phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Minh Tâm, sinh năm: 1965

Địa chỉ: 125/75 Bùi Đình Túy phường 24 quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh

Văn bản ủy quyền ngày: 08/01/2022 (vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Trần Thị Tuyết Vân, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp Bà Mía xã Mỹ Lạc huyện Thủ Thừa tỉnh Long An (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp Bà Mía xã Mỹ Lạc huyện Thủ Thừa tỉnh Long An (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, **Điều 147**, Điều 227, **266, 267, 271, 273** của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; **khoản 2 Điều 26** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Triệu Ng về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với Trần Thị Tuyết Vân.

Buộc Trần Thị Tuyết Vân có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị Triệu Ng số tiền vay 206.720.000 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng) và tiền lãi 39.291.256 đồng (ba mươi chín triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng), tổng cộng số tiền 246.011.256 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm mười một ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Trần Thị Tuyết Vân phải nộp 12.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc lúc      giờ      phút, ngày 12 tháng 9 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Năm**

**Phạm Quốc Tuấn**

**Ngô Thị Thùy Diễm**

